

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2017**

**Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2016**

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và tổ chức nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, do đó nhiệm vụ năm 2016 là rất nặng nề, vừa xây dựng, triển khai nhiều đề án, chương trình, kế hoạch cho cả giai đoạn vừa phải phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2016, tạo đà cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Bước vào thực hiện kế hoạch, kinh tế vĩ mô tăng trưởng thấp hơn dự kiến, nhiều diễn biến bất lợi do thiên tai, hạn hán xảy ra trên nhiều vùng của cả nước... ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển của các địa phương; trong bối cảnh đó, Trung ương khóa mới đã thể hiện bản lĩnh trong chỉ đạo điều hành, lãnh đạo toàn dân vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo khí thế mới cho công cuộc phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trước những biến động, Trung ương đã điều chỉnh một số định hướng, có những chính sách tác động đến phát triển của tỉnh⁽¹⁾ và sự điều chỉnh ưu tiên về phân bổ nguồn lực phát triển trong bối cảnh mới cũng sẽ ảnh hưởng đến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh. Đồng thời, kiện toàn nhân sự lãnh đạo các cấp, các ngành cũng tạo động lực phát triển giai đoạn mới cho tỉnh.

Trong tỉnh, khô hạn diễn biến gay gắt, đặc biệt ở các huyện Krông Nô, Cư Jút và phía Bắc của huyện Đắk Mil, đời sống của bà con nông dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các nhà máy thủy điện thiếu nước phát điện; một số ngành sản xuất suy giảm do diễn biến thị trường; Dự án Alumin Nhân Cơ tiếp tục chậm tiến độ; ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện kế hoạch của tỉnh. Trước tình hình đó, dưới lãnh đạo sáng tạo của Tỉnh ủy, giám sát hiệu quả của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các công việc trọng tâm của năm 2016 và của cả giai đoạn, cũng như xử lý các vấn đề cấp bách phát sinh. Đồng chí Bí thư, Chủ tịch và UBND tỉnh tổ chức nhiều cuộc họp liên ngành, rà soát và xử lý những khó khăn vướng mắc trong tăng trưởng kinh tế, chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ cụ thể; tổ chức các đoàn công tác của tỉnh trực tiếp làm việc với các doanh nghiệp, nhà máy lớn để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Với sự nỗ lực của hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và nhân dân, tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 đạt được nhiều kết quả:

1. Tăng trưởng kinh tế

¹ Định hướng phát triển vùng Tây Nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu; Đóng cửa rừng hoàn toàn, cấm chuyển đổi diện tích rừng qua mục đích sử dụng khác; Ưu tiên đầu tư chống hạn, đầu tư các công trình thủy lợi trọng điểm kết hợp với các công trình thủy lợi quy mô phù hợp; Không đánh đổi môi trường lấy dự án đầu tư...

Ước tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) đạt 16.244 tỷ đồng, tốc độ tăng GRDP ước đạt 7,08%/KH 9%, không đạt kế hoạch đề ra (năm 2015 tăng 7,15%), trong đó: Khu vực nông nghiệp dự kiến tăng 5,82%/KH 5,06%, khu vực nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, vượt kế hoạch đề ra; Khu vực công nghiệp - xây dựng dự kiến tăng 9,72%/KH 31,29% (công nghiệp tăng 9,37%, xây dựng tăng 10,47%), khu vực công nghiệp tăng thấp so với dự kiến, đã ảnh hưởng rất lớn đến tăng trưởng chung; Khu vực dịch vụ ước tăng 7,66%/KH 6,3%, vượt kế hoạch đề ra; Khu vực thuế ước tăng 7,56%/KH 15,01%, không đạt kế hoạch.

2. Phát triển công nghiệp

a) Sản xuất công nghiệp: Chỉ số IIP ước tăng 9,2% so với năm 2015⁽²⁾. Tình hình sản xuất công nghiệp tương đối ổn định, cơ bản các sản phẩm tăng trưởng so với năm trước, sản lượng một số sản phẩm tăng cao do nhu cầu thị trường⁽³⁾. Tuy nhiên, một số sản phẩm chủ lực của tỉnh không đạt kế hoạch đề ra như: Sản lượng điện sản xuất tăng thấp do ảnh hưởng của hạn hán, sản lượng Alumin không đạt do nhà máy Alumin Nhân Cơ chậm tiến độ, một số ngành hàng chế biến gặp khó khăn do thiếu nguyên liệu⁽⁴⁾ hoặc nhu cầu thị trường giảm... dẫn đến tăng trưởng của ngành công nghiệp không cao như dự kiến.

b) Tiến độ các dự án công nghiệp trọng điểm: Đến nay, dự án Alumin Nhân Cơ đã đi vào hoạt động và sản xuất được hydrate, dự kiến cuối năm sản xuất được Alumin⁽⁵⁾, tuy vậy dự án chậm tiến độ 11 tháng so với kế hoạch từ đầu năm, ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng của ngành công nghiệp; Dự án nhà máy luyện nhôm hiện đang hoàn thiện xưởng gia công, xưởng điện phân nhôm và trạm biến áp, dự kiến năm 2017 sẽ tiến hành lắp đặt thiết bị. Dự án điện năng lượng mặt trời⁽⁶⁾ chưa đi vào triển khai, hiện đang thẩm định thiết kế cơ sở giai đoạn 1. Dự án cấp điện nông thôn⁽⁷⁾ giai đoạn 3 đã triển khai thi công cho một số thôn, buôn xã biên giới và vùng đặc biệt khó khăn. Nhìn chung, các dự án công nghiệp trọng điểm đều chậm so với tiến độ đề ra.

c) Phát triển khu, cụm công nghiệp: Tập trung nguồn lực đầu tư Khu công nghiệp Nhân Cơ để đáp ứng kịp thời cho công nghiệp luyện nhôm, hiện đã bàn giao đủ 128 ha cho nhà đầu tư để triển khai nhà máy luyện nhôm. Tình hình các khu, cụm công nghiệp còn lại không có thay đổi đáng kể.

Tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp Tâm Thắng là 76%, không thu hút thêm nhà đầu tư so với năm 2015. Trong 05 cụm công nghiệp thì chỉ có Cụm công nghiệp Thuận An⁽⁸⁾ thu hút tương đối các nhà đầu tư, Cụm công nghiệp BMC đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng nhưng không thu hút được nhà đầu tư, hiện đang tiến hành thủ tục định giá, chuyển đổi; các cụm công nghiệp còn lại⁽⁹⁾ hiện chưa được triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, cần rà soát, xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp,

² Năm 2015, chỉ số IIP tăng 10,5%.

³ Như: Cồn tinh luyện, cà phê bột, ván MDF.

⁴ Sản phẩm đường, đậu phộng, đậu nành sấy.

⁵ Bình quân, khoảng 1,7 tấn hydrate sẽ sản xuất ra 1 tấn alumina, giá bán của hydrate khoảng 200 USD/tấn.

⁶ Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương thống nhất cho phép xây dựng thí điểm, dự án có công suất 30MW, tổng vốn đầu tư 90 triệu USD, giai đoạn 01 thí điểm 01MW, vốn đầu tư 03 triệu USD.

⁷ Cấp điện cho 182 thôn, buôn; tổng mức đầu tư là 711 tỷ đồng.

⁸ Có 15 Doanh nghiệp đang kí hoạt động với diện tích đăng ký là 17,7 ha (07 doanh nghiệp tư đã đi vào hoạt động; 01 nhà đầu tư tạm ngưng; 04 nhà đầu tư đang đầu tư xây dựng cơ bản).

⁹ CCN BMC, CCN Quảng Tâm, CNN Đắk Song, CNN Krông Nô.

đồng thời cần xem xét kỹ chủ trương đầu tư các cụm công nghiệp, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương.

3. Phát triển nông nghiệp và nông thôn

a) Trồng trọt: Từ đầu năm đến tháng 6, hạn hán diễn ra nghiêm trọng, đặc biệt ở các huyện Krông Nô, Cư Jút và phía Bắc của huyện Đắk Mil, hầu hết các công trình thủy lợi thiếu nước hoặc tạm ngưng hoạt động, ảnh hưởng đến hơn 23 ngàn ha cây trồng vụ Đông Xuân 2015-2016⁽¹⁰⁾, kéo dài đến đầu vụ Hè Thu 2016, làm chậm thời vụ gieo trồng của cả năm. Trước tình hình đó, các cấp, các ngành đã chủ động thông tin, khuyến cáo người dân về tình hình khô hạn, chuyển đổi cây trồng phù hợp, sử dụng nước hiệu quả và giảm thiểu tối đa thiệt hại⁽¹¹⁾. Về mặt dài hạn, cần vận động nhiều nguồn vốn: ODA, ngân sách Trung ương để đầu tư các công trình thủy lợi trọng điểm và đẩy nhanh tiến độ các dự án cơ sở hạ tầng nông thôn đang triển khai. Trong 6 tháng cuối năm, thời tiết diễn biến thuận lợi, mưa nhiều và phân bố đồng đều nên phân nào khắc phục được hậu quả của đợt hạn hán.

Ước cả năm, toàn tỉnh đã gieo trồng được trên 303 ngàn ha, đạt kế hoạch; tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 381,3 ngàn tấn, đạt 92,1% kế hoạch. Cây lâu năm phát triển ổn định⁽¹²⁾, dự kiến sản lượng tăng khá, hiện đang vào mùa vụ thu hoạch cà phê, diễn biến giá thị trường thuận lợi, đặc biệt là giá cà phê tăng cao nhất trong 5 năm qua, thu nhập của bà con nông dân sẽ tăng đáng kể. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát. Tuy nhiên, tình trạng một số loại cây trồng được người dân phát triển ồ ạt vẫn chưa được khuyến cáo hiệu quả, ngành nông nghiệp cần tăng cường hướng dẫn người dân sản xuất trên những chân đất có thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp, giảm rủi ro cho người dân.

b) Chăn nuôi và thủy sản: Tổng đàn chăn nuôi tăng khá⁽¹³⁾, chủ yếu là do giá bán đầu ra các sản phẩm chăn nuôi ổn định, người chăn nuôi tích cực đầu tư phát triển đàn, xu thế liên kết trong chăn nuôi tiếp tục nhân rộng. Riêng đàn bò tăng do hiệu quả của các dự án hỗ trợ giống bò, cung cấp sinh kế và giảm nghèo bền vững cho người dân, đồng thời người dân có xu hướng chuyển sang nuôi bò vì có hiệu quả kinh tế cao hơn. Dịch bệnh được kiểm soát, tiến hành vệ sinh, khử trùng, tiêu độc đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm dịch động vật, kiểm tra chất cấm trong chăn nuôi. Tình hình nuôi trồng thủy sản ổn định⁽¹⁴⁾.

c) Phát triển nông thôn: Bộ mặt nông thôn tiếp tục được đổi mới, đồng bộ hơn cả về kết cấu hạ tầng nông thôn và ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục triển khai các dự án ổn định dân di cư tự do, trình các Bộ, ngành Trung ương xem xét, bổ

¹⁰Trong mùa khô năm 2015-2016, hạn hán đã ảnh hưởng đến trên 23 ngàn ha cây trồng. Ngoài ra, trên 7.700 hộ dân với 36 ngàn nhân khẩu bị thiếu nước sinh hoạt, trong đó 1.500 hộ dân phải mua nước sinh hoạt giá cao, có nơi lên đến 120 ngàn đồng/m³. Ước thiệt hại trong lĩnh vực nông nghiệp trong đợt hạn hán là 1.020 tỷ đồng.

¹¹Tiến hành các biện pháp chống hạn như: nạo vét các công trình kênh mương, lắp đặt máy bơm dã chiến và điều tiết nước, hỗ trợ tiền điện, dầu và các suất chống hạn cho các hộ gia đình khó khăn, chủ động lập danh sách cứu đói cho các hộ dân bị ảnh hưởng nặng nề.

¹²Toàn tỉnh hiện có 199,5 ngàn ha cây công nghiệp chủ lực, trong đó cà phê đạt 125,6 ngàn ha, tăng 6.119 ha. Hồ tiêu đạt 27,5 ngàn ha, tăng 11,5 ngàn ha. Cao su đạt 31,3 ngàn ha, tăng 600 ha; Điều 15 ngàn ha, giảm 118 ha. Riêng cây cao su, người dân tiếp tục chặt bỏ số diện tích mới trồng để chuyển đổi sang các loại cây khác có hiệu quả hơn.

¹³Đàn bò đạt 29.395 ngàn con, tăng 10.675 con; Đàn heo đạt 200.400 con, tăng 76.421 con; Dê, cừu đạt 9.600 con, tăng 2.264 con; Gia cầm đạt 2,149 triệu con, tăng 419 ngàn con.

¹⁴Diện tích thả nuôi thủy sản ước đạt 1.700 ha, tăng 3% so với năm trước, tổng sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 4.520 tấn, tăng 7,6% so với năm trước.

trí vốn đầu tư cho các dự án ổn định dân cư biên giới, dân di cư tự do, tái định cư thủy điện. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, bước đầu mang lại hiệu quả⁽¹⁵⁾. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới, lũy kế đến nay bình quân mỗi xã đạt 10,6 tiêu chí/xã, tăng 1,1 tiêu chí/xã; đạt 04 xã nông thôn mới theo kế hoạch, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 05 xã nông thôn mới. Trên cơ sở Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các ngành, các cấp đang tích cực chuẩn bị triển khai sau khi có các hướng dẫn của Trung ương.

Tuy nhiên, xây dựng nông thôn mới vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là do thiếu nguồn lực, một số nơi áp dụng các tiêu chí còn máy móc, chưa phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, đến nay Trung ương chưa có văn bản thẩm định vốn theo quy định của Luật Đầu tư công nên địa phương chưa thể giao kế hoạch vốn để triển khai.

d) Lâm nghiệp: Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có nhiều chuyển biến. Độ che phủ rừng tăng, đạt 39,1%⁽¹⁶⁾. Trồng rừng tập trung đạt 1.020 ha, vượt kế hoạch đề ra. Rà soát và ban hành kế hoạch ngăn chặn 11 điểm nóng phá rừng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác giao khoán, quản lý bảo vệ rừng, diện tích thực hiện ước đạt 33.203ha/KH 34.290 ha, chuyển 1.090 ha rừng còn lại qua quản lý rừng tập trung. Tổng diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đạt 151 ngàn ha. Diện tích trồng rừng thay thế ước đạt 1.895 ha⁽¹⁷⁾. Toàn tỉnh xảy ra 318 vụ phá rừng, giảm 97 số vụ và giảm 192,36 ha bị phá so với năm trước.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng vẫn diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn về tài nguyên rừng, nhất là địa bàn các huyện Đăk Song, Đăk Glông và thị xã Gia Nghĩa. Công tác quản lý bảo vệ rừng còn nhiều sơ hở, có dấu hiệu tiếp tay của các bộ cơ sở, cán bộ quản lý rừng, bảo kê cho các đối tượng chặt phá rừng, tình trạng sang nhượng đất rừng trái phép diễn biến phức tạp, gây thiệt hại rất lớn tài nguyên rừng⁽¹⁸⁾. Việc giao đất, giao rừng theo Chương trình 135 còn nhiều yếu kém, hầu hết diện tích giao khoán không thực hiện đúng mục đích, dẫn đến rừng bị tàn phá nghiêm trọng.

e) Tình hình triển khai các dự án nông, lâm nghiệp: Các cơ quan chức năng của tỉnh đã tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư⁽¹⁹⁾,... xử lý các vấn đề có liên quan đến đất đai, các thủ tục đầu tư để đưa các dự án sớm đi vào hoạt động.

Tuy vậy, nhìn chung các dự án nông, lâm nghiệp vẫn chậm tiến độ, chưa thể đi vào hoạt động chủ yếu do vướng mắc công tác bàn giao, thỏa thuận mặt bằng. Các dự án nông, lâm nghiệp chưa có đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương nhưng lại dễ xảy ra nhiều vụ phá rừng trên quy mô lớn và gia tăng tình trạng

¹⁵ Toàn tỉnh hiện có 901 trang trại, trong đó có 797 trang trại trồng trọt, 39 trang trại chăn nuôi và 65 trang trại tổng hợp, cấp mới được 24 giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

¹⁶ Tương ứng, diện tích đất có rừng tăng trên 993 ha

¹⁷ Đạt 71% kế hoạch được giao; qua rà soát, đối chiếu phù hợp thời vụ trồng rừng thì các đơn vị có thể trồng được khoảng 2.316 ha/KH 2.674 ha, đạt 87% kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

¹⁸ Thống kê của lực lượng Công an, từ năm 2001 diện tích rừng bị phá toàn tỉnh lên đến gần 54 ngàn ha (Tuy nhiên, Thống kê của lực lượng kiểm lâm, từ năm 2004 diện tích phá rừng là 10,9 ngàn ha).

¹⁹ Dự án trang trại chăn nuôi bò công nghệ cao Quảng Phú của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, đầu tư giai đoạn 1 trên diện tích 247 ha, hiện UBND huyện Krông Nô đã bàn giao cho nhà đầu tư 75 ha; Dự án đầu tư nông lâm nghiệp công nghệ cao của Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Trường Thành, hiện đang triển khai các thủ tục kiểm kê tài sản trên đất; Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã thu hút được 12 doanh nghiệp đăng ký đầu tư, với tổng mức đầu tư 112,6 tỷ đồng, tiến hành giao 73 ha cho các doanh nghiệp.

tranh chấp, xung đột, gây bất ổn an ninh trật tự⁽²⁰⁾. Qua đó, các ngành cần rà soát thực trạng sử dụng đất, xác định ranh giới các vùng đất đã thỏa thuận xong; đối với các vùng còn chưa thống nhất, trước mắt không thay đổi hiện trạng giữa hai bên doanh nghiệp và người dân, trong quá trình xử lý phải tính đến nguyện vọng chính đáng và sinh kế của người dân.

4. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

a) Thương mại: Nhu cầu hàng hóa của người dân được các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh bảo đảm cung ứng đủ, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa hay tăng giá đột biến. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường⁽²¹⁾, chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại, nhất là đối với mặt hàng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2016 ước đạt 12.000 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra. Hạ tầng thương mại đã có bước phát triển đáng kể, trong năm 2016 đã có 02 trung tâm thương mại đi vào hoạt động tại huyện Cư Jút và huyện Đắk R'lấp. Tuy vậy, hạ tầng thương mại khu vực nông thôn vẫn còn hạn chế⁽²²⁾, chủ yếu vẫn là chợ truyền thống⁽²³⁾, có nhiều chợ đã xuống cấp, không đủ tiêu chuẩn theo quy định; số siêu thị, trung tâm thương mại không nhiều, người dân ít có sự lựa chọn đa dạng.

b) Kim ngạch xuất, nhập khẩu: Xuất khẩu ước đạt 650 triệu USD⁽²⁴⁾; nhập khẩu ước đạt 120 triệu USD. Xuất khẩu đạt thấp do biến động bất lợi của thị trường thế giới, các nhà máy sản xuất, chế biến nông sản thiếu nguồn nguyên liệu. Nhìn chung, doanh nghiệp của tỉnh tham gia xuất nhập khẩu còn khá hạn chế và chưa chủ động được thị trường.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa: Vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, lưu chuyển hàng hóa của nền kinh tế⁽²⁵⁾. Trật tự vận tải từng bước đi vào nề nếp; phương tiện, năng lực và chất lượng vận tải dần được nâng cao⁽²⁶⁾.

d) Du lịch: Ngành du lịch và dịch vụ lữ hành tăng trưởng khá, tổng lượt khách ước đạt 250 ngàn lượt, tăng 27%⁽²⁷⁾. Tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến và kết nối du lịch⁽²⁸⁾. Xây dựng trình cấp thẩm quyền các đề án bảo tồn văn hóa bản địa

²⁰ Đáng tiếc vào sáng ngày 23/10/2016, xảy ra tranh chấp giữa Công ty Long Sơn và người dân canh tác tại tiểu khu 1535, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, làm 03 người chết, 15 người bị thương, cơ quan điều tra của Bộ Công an đang điều tra, làm rõ.

²¹ Từ đầu năm 2016 đến nay, lực lượng Quản lý thị trường đã tiến hành kiểm tra 1.704 đơn vị, số vụ vi phạm 1.256 vụ; xử lý vi phạm 1.338 hành vi vi phạm.

²² Toàn tỉnh có 171 cửa hàng xăng dầu và 131 cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

²³ Hiện toàn tỉnh có 41 chợ đang hoạt động được phân bố trên 37 xã, phường và thị trấn, còn lại 34 xã, phường chưa có chợ.

²⁴ Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ước đạt: cà phê: 128 triệu USD; hạt điều nhân: 194 triệu USD; tiêu đen: 105,2 triệu USD; Cao su: 0,4 triệu USD; Đậu phộng sấy: 0,4 triệu USD; Tinh bột sắn: 0,5 triệu USD; các sản phẩm khác: 9,8 triệu USD.

²⁵ Khối lượng vận chuyển hành khách cả năm ước đạt 3,3 triệu HK (tăng 4% so với cùng kỳ), khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 2 triệu tấn (tăng 5% so với cùng kỳ).

²⁶ Tổng số đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh là 21 đơn vị; tổng số có 454 xe khách, có 02 tuyến vận tải khách nội tỉnh, 118 tuyến liên tỉnh đi đến 38 tỉnh thành trong cả nước, tăng 08 tuyến so với cùng kỳ. Toàn tỉnh có hiện có 08 bến xe.

²⁷ Trong đó, tổng lượt khách do cơ sở lưu trú du lịch ước đạt 117 ngàn lượt khách, chiếm 47% trong tổng cơ cấu khách; tổng doanh thu ngành du lịch ước đạt 27 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ.

²⁸ Trong đó, tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch tỉnh Đắk Nông với sự tham gia của 140 doanh nghiệp trong tỉnh và các tỉnh như Đắk Lắk, Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh.

(29). Toàn tỉnh hiện có 06 dự án khu, điểm du lịch đang được đầu tư⁽³⁰⁾, một số điểm du lịch hoàn thiện bước đầu và đi vào khai thác, phục vụ nhu cầu du lịch. Nhìn chung, tuy được nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng đến điểm, khu du lịch nhưng việc đầu tư phát triển của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh vẫn còn chậm, chưa phát huy tốt giá trị, điều kiện tự nhiên sẵn có của địa danh du lịch.

5. Đầu tư phát triển và thu hút đầu tư

a) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 10.700 tỷ đồng, tăng 14% so với năm trước. Riêng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh theo Phương án mới nhất trình Quốc hội thông qua, tổng vốn đầu tư giảm 21%, riêng nguồn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giảm 45%, giảm gần 2.500 tỷ đồng so với thông báo trước đây của Trung ương; tuy vậy, trong bối cảnh ngân sách khó khăn, Trung ương đã rất ưu tiên cân đối cho tỉnh Đắk Nông, cao hơn mức bình quân chung của khu vực Tây Nguyên. Như vậy, do Trung ương cắt giảm vốn đầu tư nên sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh. Trước tình hình đó, các ngành cần chủ động nghiên cứu, tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các chính sách huy động vốn đầu tư hiệu quả.

b) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 là 1.685 tỷ đồng, tăng 5% so với năm trước; Ước giải ngân đạt 89,9% kế hoạch, tăng 8,1% so với cùng kỳ, nếu loại trừ một số nguồn vốn chưa có nguồn để giải ngân và Trung ương chưa thẩm định vốn thì tỷ lệ giải ngân đạt 97,53%. Luật Đầu tư công và các quy định mới của Trung ương mới áp dụng nên nhiều đơn vị còn lúng túng, việc vận hành công tác đầu tư xây dựng theo cơ chế mới chưa tốt, bên cạnh đó, một số dự án gặp vướng mắc khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nên triển khai, thực hiện không đúng tiến độ đề ra. Trong năm 2016, theo quy định của Trung ương và chỉ đạo của UBND tỉnh, các dự án chậm giải ngân, bị Trung ương thu hồi và điều chuyển vốn, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

c) Tình hình thực hiện dự án ODA, FDI, NGO: Các dự án ODA đảm bảo tiến độ theo hiệp định, tiếp tục vận động 05 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư là 1.741 tỷ đồng, trong đó có 03/05 dự án đang vận động chuẩn bị Hiệp định vay, 02 dự án chuẩn bị đầu tư⁽³¹⁾. Thu hút FDI tăng khá, toàn tỉnh hiện có 08 dự án FDI đang thực hiện, với tổng mức đầu tư là 163,5 triệu USD; 03 dự án đầu tư mới đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư là 42 triệu USD. Tiếp tục triển khai các dự án NGO theo thỏa thuận, ký kết bổ sung và tiếp nhận 02 dự án NGO.

d) Thu hút và xúc tiến đầu tư: Thu hút đầu tư tăng khá, trong năm, tiến hành cấp mới và điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 20 dự án với tổng vốn đầu tư là 653 tỷ đồng; Cấp mới, điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 26 dự án với tổng mức đầu tư 1.020 tỷ đồng. Công tác xúc tiến đầu tư được chú trọng về hiệu quả và đổi mới về phương thức, tích cực tư vấn, hướng dẫn về quy trình thủ tục đầu tư, xây dựng hoàn chỉnh hồ sơ thông tin các dự án kêu gọi đầu tư.

²⁹ Phát triển giá trị di sản Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; Bảo tồn và phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể có nguy cơ thất truyền của các dân tộc thiểu số tại chỗ.

³⁰ Khu du lịch sinh thái Dray Sáp - Gia Long; Điểm du lịch sinh thái số 1 thác Đắk G'lung; Điểm du lịch sinh thái thác Lưu Ly; Dự án Thiền viện Trúc Lâm Đạo Nguyên; Điểm du lịch sinh thái thác Trinh Nữ; Dự án Tu viện liễu quán, thuộc Quy hoạch khu du lịch sinh thái - văn hóa Tà Đùng.

³¹ Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, tiểu dự án tỉnh Đắk Nông, vốn vay ADB, Dự án Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông dự kiến ký kết khoản vay vào tháng 12/2016

6. Tài chính, ngân hàng và thu chi ngân sách

a) Ngân hàng: Lãi suất giảm nhẹ, tổng nguồn vốn huy động ước đạt 6.705 tỷ đồng, tăng 22%. Tín dụng tăng trưởng cao, tổng dư nợ cho vay ước đạt 17.321 tỷ đồng, tăng 20%. Mạng lưới các tổ chức tín dụng được mở rộng, phát triển⁽³²⁾ đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiết kiệm và tín dụng của nhân dân, chú trọng triển khai các gói tín dụng ưu đãi, tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh⁽³³⁾.

b) Thu, chi ngân sách: Thu ngân sách nhà nước ước đạt 1.610 tỷ đồng, đạt dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó thu thuế, phí, lệ phí đạt 1.265 tỷ đồng, thu biện pháp tài chính 345 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện ước đạt 5.433 tỷ đồng, đạt 115% dự toán địa phương giao, tăng 14% so với năm trước, các khoản chi thực hiện kịp thời theo đúng chế độ. Tuy nhiên, phần ngân sách địa phương dành cho đầu tư còn khá hạn chế (tính riêng các nguồn thu của tỉnh thì chỉ cân đối qua đầu tư 4,7%), sẽ ảnh hưởng đến khả năng phát triển trong dài hạn của tỉnh; do đó, phải cân đối lại chi tiêu của tỉnh để cân bằng giữa nhu cầu ngắn hạn và khả năng phát triển dài hạn của tỉnh.

7. Phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh

a) Phát triển doanh nghiệp: Ước cả năm có 431 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới⁽³⁴⁾, tăng 20%, số vốn đăng ký đạt 1.200 tỷ đồng. Số doanh nghiệp đăng ký giải thể tăng 7,7%; số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động tăng 85%, điều này cho thấy tình hình sản xuất, kinh doanh còn nhiều khó khăn. Lũy kế tổng số doanh nghiệp đăng ký là 3.882 doanh nghiệp, trong đó có 1.916 doanh nghiệp đang hoạt động, số doanh nghiệp đang hoạt động chỉ chiếm 49% số doanh nghiệp đăng ký, gây khó khăn trong công tác quản lý doanh nghiệp cũng như quản lý thuế. Trong thời gian tới, cần sự phối hợp chặt chẽ liên ngành để quản lý hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, hạn chế tối đa thành lập doanh nghiệp để buôn bán hóa đơn trái phép.

b) Cải thiện môi trường kinh doanh: Thành lập và vận hành Trung tâm Hành chính công của tỉnh. Thông báo đường dây nóng để các doanh nghiệp kiến nghị các khó khăn, vướng mắc. Ký kết với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp. Vận hành tốt Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia, bảo đảm rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp, triển khai việc kê khai thuế qua mạng điện tử, nộp thuế qua các ngân hàng. Nhìn chung, kết quả về cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh vẫn còn hạn chế, tính cạnh tranh yếu, các doanh nghiệp đánh giá thấp môi trường kinh doanh của tỉnh, gây khó khăn cộng hưởng cho công tác thu hút đầu tư.

c) Kết quả đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước: Đã tiến hành các thủ tục giải thể 06 công ty lâm nghiệp hoạt động không hiệu quả, thực hiện cổ phần hóa 04 doanh nghiệp theo kế hoạch. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước⁽³⁵⁾.

³² Hiện toàn tỉnh có 01 ngân hàng 100% vốn nhà nước (Agribank); 02 ngân hàng TMCP, vốn nhà nước chiếm chủ yếu (BIDV, Vietinbank), 03 ngân hàng TMCP (Sacombank, Đông Á, Lienvietpost Bank), 01 chi nhánh NH CSXH và 03 quỹ tín dụng.

³³ Dư nợ phát triển nông nghiệp, nông thôn ước đạt trên 13,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 76% tổng dư nợ, tăng 20% dư nợ so với đầu năm. Dư nợ chính sách ước đạt 1.954 tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm, thực hiện tốt 12 chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ.

³⁴ Tính đến nay, toàn tỉnh có 3.882 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, trong đó có 1.916 doanh nghiệp đang hoạt động.

³⁵ Theo phương án tái cơ cấu, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với 06 công ty: Đại Thành, Đắc Wil, Nam Tây Nguyên, Đắc N'tau, Đức Hòa và Quảng Sơn. Chuyển thành Ban quản lý rừng phòng hộ hoạt động theo đơn vị sự

Tuy nhiên, nhìn chung công tác cổ phần hóa các công ty nông, lâm nghiệp đều bị chậm về tiến độ, nguyên nhân chủ yếu là do âm vốn của chủ sở hữu hoặc nợ phải trả quá cao⁽³⁶⁾ và vướng mắc trong việc xác định giá trị doanh nghiệp.

8. Kết cấu hạ tầng

a) Hạ tầng đô thị: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 16,3%, không tăng so với năm trước do các vùng trung tâm huyện mới chưa thành lập đô thị. Đồng thời, các thị trấn đã phát triển mạnh nhưng chưa được điều chỉnh ranh giới phù hợp. Được Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai lập đề án phân loại đô thị Đắk Buk So, huyện Tuy Đức và đề án thành lập thị trấn Quảng Khê, huyện Đắk Glong.

b) Hạ tầng giao thông: Ước cả năm nhựa hóa được 136 km đường giao thông, nâng tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh từ 53% lên 57%⁽³⁷⁾. Được Trung ương đồng ý chủ trương đầu tư dự án đường sắt đa dụng Tây Nguyên; Tăng mức phân bổ vốn bảo trì đường bộ cho Quỹ bảo trì đường bộ địa phương; Quyết định chuyển tuyến Tỉnh lộ 4 thành Quốc lộ 28 kéo dài. Đề nghị bổ sung kinh phí bảo trì đường bộ trên các tuyến Quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh.

c) Hạ tầng cấp, thoát nước, cấp điện: Hạ tầng cấp nước đô thị tương đối hoàn chỉnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu người dân, tỷ lệ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 92%, triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa cho các đô thị và hệ thống xử lý nước thải tại thị xã Gia Nghĩa.

Toàn tỉnh hiện có 230 công trình cấp nước đang sử dụng, tỷ lệ người dân nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh cả năm ước đạt 84%. Tuy nhiên, hệ thống nước sạch nông thôn bị hư hỏng nhiều, công tác quản lý vận hành, bảo trì còn nhiều bất cập. Hạ tầng điện tiếp tục được đầu tư, cải tạo, ước cả năm toàn tỉnh có 99% số thôn buôn có điện, và 96% số hộ dân được sử dụng điện.

d) Hạ tầng thủy lợi: Chú trọng đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi⁽³⁸⁾. Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi quản lý chặt chẽ nguồn nước, nạo vét kênh mương, có kế hoạch linh hoạt trong việc điều chỉnh phân phối sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng được 68% diện tích có nhu cầu tưới.

9. Văn hóa và thể dục, thể thao

Phục vụ tốt nhu cầu văn hóa cho nhân dân trong dịp lễ, Tết, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nổi bật⁽³⁹⁾, thu hút được đông đảo sự tham gia của người dân. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc tiếp tục được chú trọng⁽⁴⁰⁾; Tiếp tục triển khai Đề án sưu tầm, bảo tồn phát huy giá trị hiện vật lịch sử, văn hóa tỉnh Đắk Nông, giai

ng nghiệp công lập có thu đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Măng. Ban hành quyết định giải thể đối với 06 Công ty nông, lâm nghiệp: Gia Nghĩa, Thuận Tân, Quảng Đức, Quảng Tín, Trường Xuân và Đức Lập.

³⁶ Công ty Cà phê Đức Lập: âm vốn của chủ sở hữu 86,62 tỷ đồng, tổng số nợ phải trả 145 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Nam Nung có số nợ phải trả 104,5 tỷ.

³⁷ Trong đó nhựa hóa được 20Km đường huyện nâng tỷ lệ nhựa hóa đường huyện từ 80% lên 84%.

³⁸ Trên địa bàn tỉnh có 213 công trình thủy lợi, trong đó có 186 hồ chứa, 16 đập dâng, 05 trạm bơm và 06 kênh tiêu. Trong năm tiến hành sửa chữa lớn 24 công trình, sửa chữa nhỏ 34 công trình. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện có 06 hồ chứa thủy lợi và 01 hệ thống trạm bơm.

³⁹ Tổ chức được 48 chương trình văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị và 32 buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ cơ sở. Tổ chức được 33 buổi chiếu phim, phục vụ 5.240 lượt người xem và phát hành được 327 đĩa phim tài liệu, thời sự, ca nhạc, phim truyện.

⁴⁰ Đã tiến hành sưu tầm 16 hiện vật khảo cổ học và 39 hiện vật văn hóa dân tộc gắn liền với các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của người M'Nông trên địa bàn tỉnh.

đoạn 2016-2020; Triển khai khảo sát, điều tra văn hóa phi vật thể và hoa văn thổ cẩm trên địa bàn tỉnh. Hoạt động thư viện, bảo tàng đã có nhiều đổi mới trong hoạt động⁽⁴¹⁾. Thiết chế văn hóa được quan tâm, tiếp tục được đầu tư xây dựng, tổ chức các hoạt động phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa, thực hiện tốt công tác “đưa thông tin về cơ sở”, bảo đảm nhu cầu văn hóa cho nhân dân⁽⁴²⁾. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh từ tỉnh đến cơ sở, tổ chức thành công nhiều giải thể thao cấp tỉnh và giải thể thao quần chúng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, trong đó tiêu biểu như: Đăng cai tổ chức thành công Giải Quần vợt đồng đội Quốc gia - Cup Vietravel năm 2016; phối hợp tổ chức Giải xe đạp nữ toàn quốc mở rộng Tranh Cúp Truyền hình An Giang lần thứ XVII năm 2016. Số người dân tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 24%. Tham gia 13 giải thi đấu thể thao khu vực, toàn quốc và thế giới đạt 48 huy chương các loại⁽⁴³⁾.

10. Giáo dục và đào tạo

Mở rộng quy mô giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội⁽⁴⁴⁾. Tiếp tục triển khai đổi mới giáo dục và đào tạo; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Chú trọng và đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, cơ sở hạ tầng dần được cải thiện. Tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT bảo đảm an toàn, nghiêm túc, tích cực hỗ trợ cho các thí sinh có hoàn cảnh khó khăn, tỷ lệ tốt nghiệp của tỉnh đạt 90,6%⁽⁴⁵⁾. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt kết quả khá. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số chậm được cải thiện, tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao. Cơ sở vật chất trường lớp chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Việc phân luồng học sinh THCS và giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế. Đội ngũ giáo viên nhìn chung chưa đồng đều về cơ cấu chuyên môn. Cơ cấu cán bộ quản lý, giáo viên đứng lớp và nhân viên ở một số cơ sở giáo dục thuộc huyện, thị xã còn bất cập.

11. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh, chú trọng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các bệnh viện; các chế độ chính sách được thực hiện theo đúng quy định⁽⁴⁶⁾. Một số dịch bệnh có số mắc tăng cao nhưng đã được kiểm soát hiệu quả, ngăn chặn hiệu quả⁽⁴⁷⁾. Duy trì, giám sát 24/24, chủ động, kịp thời nắm bắt tình hình dịch bệnh tại các cơ sở y tế và cộng đồng. Trang thiết bị y tế tại các cơ sở được sử dụng có hiệu quả hơn; nhiều trang thiết bị đã được điều chuyển giữa các đơn vị, giảm chi phí đầu tư mua sắm; Hợp tác với ngành y tế thành phố Hồ Chí Minh nâng cao trình độ cho các cơ sở khám chữa bệnh, tăng tỷ lệ người dân khám chữa bệnh tại

⁴¹ Thực hiện được 13 cuộc trưng bày với hơn 553 hình ảnh, hiện vật và 1.185 bản sách, báo, tạp chí về những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh; Tổ chức Triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - những bằng chứng lịch sử và pháp lý”.

⁴² Toàn tỉnh hiện có 03 Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh; 05/08 Trung tâm cấp huyện; 18/71 Nhà văn hóa cấp xã; 537/786 nhà văn hóa cấp thôn.

⁴³ Trong đó: 11 huy chương vàng, 10 huy chương bạc, 27 huy chương đồng.

⁴⁴ Toàn tỉnh có 373 cơ sở giáo dục, tăng 4 cơ sở so với cùng kỳ với 159 ngàn học sinh,

⁴⁵ Tỉnh có 02 cụm thi, với 6.250 thí sinh dự thi. Hỗ trợ kinh phí dự thi cho các thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổng số đối tượng dự kiến hỗ trợ là 351 em, với kinh phí dự kiến gần 180 triệu đồng.

⁴⁶ Tổng số bệnh nhân đến khám, chữa bệnh tại các bệnh viện là 445.004 lượt, ước số lượt điều trị nội trú là 66.640 lượt, công suất sử dụng giường bệnh ước đạt 90%.

⁴⁷ Tình hình mắc một số bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch: Sốt xuất huyết mắc/chết: ghi nhận 2013 trường hợp mắc; Sốt rét: ghi nhận 146 trường hợp mắc; Tay Chân Miệng: ghi nhận 98 trường hợp mắc.

chỗ. Chú trọng và tăng cường kiểm tra, bảo đảm tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt là dịp lễ, Tết.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực y tế chưa đồng đều, chất lượng chưa cao, nhất là tuyến y tế cơ sở; còn xảy ra một số vụ việc đáng tiếc do trình độ chuyên môn yếu, làm mất niềm tin của người dân. Còn tồn tại tình trạng các cơ sở y tế có tỷ lệ người dân khám chữa bệnh thấp, tỷ lệ sử dụng cơ sở hạ tầng chưa cao. Việc chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được phối hợp liên ngành hiệu quả, chưa được cải thiện đáng kể.

12. Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội

Tích cực triển khai các chính sách an sinh, bảo trợ xã hội, tổ chức đánh giá các mô hình giảm nghèo hiệu quả để triển khai nhân rộng. Trình Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết giảm nghèo bền vững; Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo. Kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều chiếm tỷ lệ 19,26% tăng so với chuẩn cũ⁽⁴⁸⁾. Triển khai hỗ trợ kịp thời cho các hộ dân bị ảnh hưởng của hạn hán, chi trả trợ cấp đảm bảo cho các đối tượng xã hội⁽⁴⁹⁾. Công tác chăm sóc người có công đạt kết quả tích cực. Tổ chức thăm, tặng quà đối tượng chính sách có công các đơn vị, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh liệt sỹ⁽⁵⁰⁾. Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa đối với người có công với cách mạng⁽⁵¹⁾. Tổ chức khảo sát, tìm kiếm hài cốt liệt sỹ tại xã Năm N'jang, huyện Đăk Song.

Tuy nhiên, công tác giảm nghèo còn gặp nhiều khó khăn, nguồn lực thực hiện các chính sách giảm nghèo chưa đáp ứng được nhu cầu, nguồn lực Trung ương phân bổ chậm. Khả năng tái nghèo cao trong bối cảnh hạn hán xảy ra thường xuyên và gay gắt hơn, ảnh hưởng đến mùa vụ của người dân. Công tác chăm sóc trẻ em còn nhiều hạn chế, số trẻ bị tai nạn tăng, sân chơi cho trẻ em còn thiếu, chưa được quan tâm đúng mức.

13. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm

Số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm là 18 ngàn lượt người. Quản lý chặt chẽ lao động nước ngoài⁽⁵²⁾. Hướng dẫn các công ty nông lâm nghiệp xây dựng phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư khi sau khi sắp xếp, đổi mới⁽⁵³⁾. Hỗ trợ cho vay vốn tạo việc làm khoảng 900 dự án từ Quỹ quốc gia về việc làm, cho vay. Tư vấn về chính sách pháp luật lao động, giới thiệu việc làm cho hơn 4.500 lượt người. Chú trọng phát triển mở rộng mạng lưới các cơ sở dạy nghề và mở thêm nhiều ngành nghề đào tạo mới phù hợp với thị trường lao động. Ước tổ chức đào tạo nghề cho 3.800 người. Tuy nhiên, nhìn chung công tác đào

⁴⁸ Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh có 27.761 hộ, 123.415 khẩu, chiếm tỷ lệ 19,26% trên tổng số hộ toàn tỉnh; số hộ nghèo tăng 8.680 hộ, tăng 5,51% so với kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo 2014 (Số hộ nghèo năm 2014: 19.081 hộ, chiếm tỉ lệ 13,75%).

⁴⁹ Hỗ trợ kịp thời cho 7.276 hộ với 29.806 khẩu với số lượng 600 tấn gạo. Chi trả trợ cấp cho 9.276 đối tượng.

⁵⁰ Tổ chức thăm, tặng quà đối tượng chính sách có công, các đơn vị, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán với 6.479 suất quà. Thăm tặng quà nhân kỷ niệm 69 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7 với tổng 6.014 suất quà.

⁵¹ Tính đến nay đã và đang triển khai xây dựng và bàn giao, trao tặng 91 căn nhà tình nghĩa với tổng trị giá 6,5 tỷ đồng.

⁵² Có 117 người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁵³ Đến hết năm 2016 sẽ giải quyết lao động dôi dư cho 10 công ty thực hiện sắp xếp lại, với tổng số 190 người, tổng kinh phí giải quyết lao động dôi dư là 6.5 tỷ đồng.

tạo nghề gắn liền với giải quyết việc làm còn gặp nhiều hạn chế, chất lượng đầu ra chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

15. Phát triển khoa học công nghệ; Công tác thông tin, truyền thông và báo chí

Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật được quan tâm⁽⁵⁴⁾, chú trọng tổ chức các hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Đồng bộ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 cho các cơ quan nhà nước, đem lại những kết quả tích cực, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của tỉnh. Hoạt động quản lý đo lường và chất lượng có sự biến chuyển rõ rệt và triển khai đồng bộ.

Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan góp phần hiện đại hóa nền hành chính nhà nước. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, định hướng thông tin báo chí, đặc biệt là các sự kiện quan trọng, việc nổi cộm, nhạy cảm diễn ra trên địa bàn tỉnh. Tổ chức họp báo cung cấp thông tin báo chí kịp thời, giải trình, góp ý các vấn đề đáng lưu ý trên địa bàn mà báo chí đã phản ánh. Tổ chức thành công giao ban báo chí khu vực Tây Nguyên.

16. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

a) Công tác quản lý đất đai: Đăng ký chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 5 năm kỳ cuối của tỉnh, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; điều chỉnh bảng giá đất của tỉnh giai đoạn 2015-2019 trình HĐND tỉnh thông qua. Tiến hành bảo đảm quy định các thủ tục giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất⁽⁵⁵⁾. Tiến hành đo đạc bản đồ địa chính được diện tích 25,1 ngàn ha. Tiếp nhận và xử lý gần 19 ngàn hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân.

Tuy nhiên, nhìn chung, việc triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được chú trọng. Văn phòng Đăng ký đất đai mới hoạt động nên chưa đi vào nề nếp. Công tác đo đạc, lập bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp còn nhiều bất cập, tình trạng lấn chiếm, xâm hại tài nguyên rừng khá phổ biến và chưa được giải quyết hiệu quả. Công tác định giá đất còn chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án.

b) Quản lý khoáng sản: Tăng cường công tác quản lý thăm dò và khai thác khoáng sản⁽⁵⁶⁾, cấp 05 giấy phép thăm dò khoáng sản, 06 giấy phép hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước, phê duyệt 05 khu vực khoáng sản. Tiến hành lập quy hoạch tài nguyên nước đến năm 2025 và định hướng 2035. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản của các cơ quan quản lý nhà nước còn chưa thống nhất và đồng bộ, việc kiểm tra chưa được tổ chức thường xuyên, dẫn đến liên tục

⁵⁴ Năm 2016, có tổng số 12 nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực KHXH&NV và 13 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc lĩnh vực tự nhiên công nghệ đã và đang được tiếp tục triển khai trong tỉnh.

⁵⁵ Trong năm 2016, tiến hành trình 30 hồ sơ giao đất với diện tích 2.088 ha; 21 hồ sơ thu hồi đất với 11.584 ha; cho thuê 22 hồ sơ với 1.578 ha; ký hợp đồng thuê đất với 41 đơn vị, tổ chức.

⁵⁶ Tước giấy phép tạm thời 12 đơn vị không nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tước 02 giấy phép do không chấp hành nghĩa vụ đối với ngân sách.

xảy ra tình trạng khai thác trái phép (cát, vàng), ảnh hưởng đến môi trường và đời sống của nhân dân.

c) Bảo vệ môi trường: Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Đắk Nông. Triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường sông Đồng Nai năm 2016, các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường Thế giới. Quản lý thống nhất về thu gom, vận chuyển xử lý chất thải y tế và chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp xã chưa được chú trọng, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật môi trường còn hạn chế. Vẫn còn tồn tại tình trạng các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chưa chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường, xả thải trực tiếp ra môi trường không qua hệ thống xử lý.

17. Công tác cải cách hành chính; Tổ chức bộ máy; Tư pháp, nội chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Công tác cải cách hành chính đạt được những kết quả nhất định. Tập trung rà soát 53 thủ tục hành chính thuộc 12 nhóm, xây dựng phương án đơn giản hóa 20 thủ tục hành chính, ban hành chuẩn hóa 35 bộ thủ tục hành chính, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia và công khai thủ tục trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Tiến hành sắp xếp, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thành lập Trung tâm Hành chính công của tỉnh là đầu mối tập trung để thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, việc công bố, công khai thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị còn chậm, một số đơn vị chưa chú trọng đúng mức công tác cải cách thủ tục hành chính.

b) Tổ chức bộ máy: Tổ chức bầu cử của tỉnh diễn ra thành công, số cử tri đi bầu cao, cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp bảo đảm theo quy định. Công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục được triển khai. Ban hành tuyển dụng mới 190 trường hợp bằng hình thức thi tuyển. Cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp bồi dưỡng góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ công tác.

c) Công tác tư pháp: Tổ chức thẩm định 80 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, góp ý 164 dự thảo của Trung ương và địa phương, 100% văn bản quy phạm pháp luật được thẩm định trước khi ban hành. Công tác rà soát, kiểm tra văn bản được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên. Hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật ngày càng phong phú, đa dạng và chú trọng phù hợp với từng đối tượng. Các dịch vụ công về tư pháp ngày càng được nâng cao về chất lượng cũng như số lượng, đáp ứng nhu cầu của công dân, tổ chức⁽⁵⁷⁾.

d) Công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo: Công tác tiếp dân có nhiều tiến bộ⁽⁵⁸⁾, khiếu nại tố cáo có xu hướng giảm, chủ động xử lý những vấn đề nổi cộm, xử lý khiếu nại tố cáo ngay tại địa phương, cấp huyện và cấp xã được chú trọng. Tiến hành 10 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội⁽⁵⁹⁾. Công khai lịch tiếp công dân, đăng kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo trên cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, nhìn chung, khiếu kiện đông người và vượt cấp vẫn diễn biến phức tạp, có yếu tố tổ chức cầm đầu, xúi

⁵⁷ Công tác lý lịch tư pháp: cấp 929 phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin 1.208 thông tin cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia. Công tác công chứng: công chứng 16.522 trường hợp. Công tác Bán đấu giá: tổ chức thành công 72 phiên. Công tác trợ giúp pháp lý: tổ chức hơn 36 đợt trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn cho 418 trường hợp.

⁵⁸ Tiếp nhận và xử lý 85 lượt với 189 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh. Tiếp nhận 131 đơn thư và đã xử lý được 96,2% số đơn thư; tham mưu giải quyết xong 06/12 vụ khiếu nại.

⁵⁹ Qua thanh tra đã phát hiện 24 đơn vị sai phạm về kinh tế với số tiền trên 20 tỷ đồng, vi phạm 971 ha đất.

dục, kích động của các phần tử xấu; một số trường hợp đã được rà soát, giải quyết đúng quy định nhưng vẫn khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

18. Công tác tôn giáo và dân tộc

Hoạt động tôn giáo cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật, an ninh chính trị trong vùng tôn giáo được giữ vững. Các tổ chức tôn giáo duy trì tốt mối quan hệ thường xuyên, thiện chí với cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, thực hiện tốt phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo”, “đồng hành cùng dân tộc”. Tiếp tục triển khai và đánh giá các chương trình, chính sách dân tộc, ổn định dân cư, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng nâng cao trình độ, ổn định cuộc sống, từng bước xóa đói giảm nghèo một cách bền vững. Tuy nhiên, việc hỗ trợ vốn một số chương trình từ Trung ương còn quá thấp, phân khai vốn còn chậm trễ, tiến độ hỗ trợ một số đối tượng chính sách còn chậm do cần phải rà soát lại các đối tượng chính sách.

19. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại

a) Tình hình quốc phòng vững chắc, thế trận quốc phòng toàn dân được củng cố, nâng cao. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch. Luôn nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, bồi dưỡng lực lượng. Tình hình trên tuyến biên giới cơ bản ổn định⁶⁰, chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới được giữ vững, chưa xảy ra các hoạt động căng thẳng, gây mất ổn định hai bên biên giới, xây dựng thế trận “biên phòng toàn dân” vững mạnh.

b) Tình hình an ninh cơ bản ổn định, tăng cường các biện pháp giải quyết tranh chấp, khiếu kiện bảo đảm an ninh nông thôn. Mở 03 đợt cao điểm trấn áp tội phạm, bảo vệ tuyệt đối an toàn Đại hội Đảng các cấp, Tết Nguyên đán và Bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp. Tình hình an ninh trật tự có nhiều chuyển biến tích cực; tội phạm về trật tự xã hội giảm so với cùng kỳ, tỷ lệ điều tra phá án đạt kết quả cao 91,5% số vụ được phá. Tình trạng sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nhà nước, mua bán hàng giả, kém chất lượng, trốn thuế, nợ thuế còn xảy ra nhiều. Tai nạn giao thông xảy ra 46 vụ, giảm 6 vụ so cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do không đi đúng phần đường, thiếu quan sát, chưa chấp hành nghiêm pháp luật về giao thông.

c) Duy trì nhiều hoạt động tăng cường củng cố quan hệ với tỉnh Mondulkiri, tổ chức ký kết thành công và đi vào triển khai chương trình thỏa thuận Hợp tác phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 - 2020 giữa tỉnh Đắk Nông và tỉnh Mondulkiri. Tích cực tham dự các buổi gặp gỡ đối tác nước ngoài nhằm quảng bá giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Nâng cao chất lượng lãnh sự, quản lý tốt đoàn ra, đoàn vào.

Tổ chức Hội nghị tổng kết hợp tác Đắk Nông - Lâm Đồng giai đoạn 2010-2015 và Kế hoạch hợp tác giai đoạn 2016 - 2020 tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; tập trung hợp tác phát triển lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng, lĩnh vực khai thác và chế biến sâu khoáng sản, đặc biệt là alumin, nhôm.

⁶⁰ Đến nay, tổng số cột mốc của tỉnh đã xác định là 13 vị trí, với 25 cột mốc. Thực hiện kế hoạch tăng dày cột mốc phụ, sắp tới dự kiến cắm 89 vị trí với 168 mốc phụ, góp phần ổn định hơn tình hình biên giới 2 nước trên vùng biên của tỉnh.

20. Đánh giá chung

Theo Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016 đề ra 16 nhóm chỉ tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, ước kết quả thực hiện như sau:

a) 13 nhóm chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, gồm: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Thu ngân sách; Hạ tầng giao thông; Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị; Hạ tầng cấp điện; Tốc độ tăng dân số; Lao động và việc làm; Giảm nghèo; Y tế; Giáo dục; Văn hóa; Môi trường và Nông thôn mới.

b) 03 nhóm chỉ tiêu chủ yếu không đạt, gồm:

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP) không đạt kế hoạch đề ra, tăng 7,08%/KH 9%, chủ yếu do nhà máy Alumin Nhân Cơ chậm tiến độ. *Trường hợp, Alumin sản xuất theo kế hoạch đạt 200 ngàn tấn (cả năm 2016 ước sản xuất chỉ được 30 ngàn tấn). Thì tốc độ tăng ngành Công nghiệp xây dựng sẽ đạt 33%/KH 31,2%, vượt kế hoạch đề ra, đồng thời tốc độ GRDP sẽ đạt 9,58%, vượt kế hoạch đề ra.*

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt, nguyên nhân do lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng thấp hơn dự kiến nên chuyển biến cơ cấu kinh tế giữa các lĩnh vực thấp; lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm trên 50% tổng cơ cấu.

- GRDP bình quân đầu người ước đạt 36,3 triệu đồng/KH 38 triệu đồng, không đạt kế hoạch đề ra, nguyên nhân do dân số bình quân sau điều tra rà soát tăng lên 633 ngàn người (tăng 42 ngàn người so với kế hoạch). *Nếu dân số theo như dự kiến kế hoạch và không tăng đột biến do điều tra, thì GRDP bình quân sẽ đạt 38,87 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra.*

c) 02 chỉ tiêu thành phần không đạt:

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh 82%/KH 84% (thuộc nhóm chỉ tiêu Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị), không đạt kế hoạch do trong năm 2016, Trung ương không phân bổ các nguồn vốn dự kiến đầu tư các công trình cấp nước, do đó tỉnh chỉ đủ nguồn lực để nâng cấp các công trình cấp nước. Hiện tại toàn tỉnh có 230 công trình cấp nước được sử dụng, tuy nhiên, nhiều công trình hư hỏng, không có vốn để nâng cấp, sửa chữa.

- Tỷ lệ che phủ rừng (thuộc nhóm chỉ tiêu về Môi trường) đạt 39,1%/KH 40%, không đạt kế hoạch do diện tích đạt độ che phủ để thành rừng trong năm ước đạt 935 ha. Các diện tích trồng rừng tập trung (1.020 ha) và rừng thay thế (1.895 ha) trong năm 2016, sau thời gian khoảng 3-4 năm mới được tính vào độ che phủ rừng.

Như vậy, trong bối cảnh khó khăn hơn rất nhiều so với năm 2015, tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2016 ước đạt khá. Trong 16 nhóm chỉ tiêu, dự kiến 13/16 nhóm chỉ tiêu ước đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, chiếm 81%; còn 3/16 nhóm chỉ tiêu ước không đạt chiếm 19%. Kết quả phấn đấu thực hiện kế hoạch năm 2016 cơ bản đạt kế hoạch đề ra, là nền tảng để xây dựng kế hoạch năm 2017 và cơ sở để tiếp tục phấn đấu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2017

Năm 2017 là năm thứ hai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc đẩy mạnh thực hiện kế hoạch 5 năm, tạo đà phát triển cho những năm giữa và cuối giai đoạn. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình vĩ mô chưa ổn định vững chắc, tiềm ẩn nhiều thách thức, khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển của tỉnh. Ngân sách Trung ương tiếp tục khó khăn, kế hoạch vốn Trung ương năm 2017 không mở mới ngoài 02 chương trình mục tiêu quốc gia, ODA và PPP, ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn lực phát triển của tỉnh. Trong bối cảnh đó, cần trước hết là sự nỗ lực của hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân toàn tỉnh để phát huy tối đa nội lực, nhạy bén và sáng tạo trong công việc, quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội trong năm 2017.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2017

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh tăng trưởng nền kinh tế nội tỉnh, phấn đấu đạt kế hoạch tăng trưởng GRDP đề ra. Triển khai hiệu quả các chính sách của Trung ương trên địa bàn tỉnh, xây dựng Chính quyền kiến tạo theo định hướng mới của Chính phủ, trong đó tập trung cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, sản xuất, kinh doanh, phấn đấu chỉ số PCI tăng 4-5 bậc so với năm 2016. Tăng cường quản lý đầu tư và tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe và tinh thần cho nhân dân. Chủ động ứng phó với hạn hán, bảo vệ môi trường. Tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối ngoại. Bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2017

2.1. Tăng trưởng kinh tế GRDP (giá 2010) tăng trên 7,5%. Trong đó: Khu vực Nông nghiệp tăng 5,63%; Khu vực Công nghiệp xây dựng tăng 14,18% (Công nghiệp tăng 17,8%, Xây dựng tăng 6,5%); Khu vực Dịch vụ tăng 7,2%; Khu vực Thuế tăng 8,8%. *Xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng GRDP năm 2017 phấn đấu cao hơn so với Nghị quyết 5 năm, nguyên nhân là do sản lượng Alumin mới chưa sản xuất năm 2016 chuyển qua năm 2017, sẽ tạo nên giá trị gia tăng lớn cho nền kinh tế.*

2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 49,5%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 14,6% khu vực dịch vụ chiếm 30,5%; khu vực thuế chiếm 5,4%. *Xấp xỉ bằng với chỉ tiêu của Nghị quyết 5 năm.*

2.3. GRDP bình quân đầu người đạt 39 triệu đồng. *Xây dựng chỉ tiêu thấp hơn Nghị quyết 5 năm, do nguyên nhân khách quan, dân số sau rà soát tăng 42 ngàn người so với dự kiến, do đó GRDP thấp hơn so với NQ là 40,7 triệu đồng.*

2.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 13.000 tỷ đồng. *Xây dựng chỉ tiêu phấn đấu theo Nghị quyết 5 năm, trong bối cảnh Trung ương giảm hơn 2.500 tỷ đồng vốn Trung hạn, ảnh hưởng đáng kể đến tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn, tương ứng mỗi*

năm giảm 500 tỷ đồng. Tuy nhiên, vẫn xây dựng chỉ tiêu theo NQ 5 năm để phân đấu thu hút đầu tư ngoài ngân sách.

5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 1.650 tỷ đồng. Xây dựng chỉ tiêu thấp hơn Nghị quyết 5 năm.

6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 58%; trong đó, tỷ lệ nhựa hóa đường huyện đạt 88%. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm.

7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Đảm bảo nguồn nước cho 74% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 87% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 95% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm. Năm 2017, tiếp tục triển khai dự án Sửa chữa nâng cao an toàn Đập (vốn WB8), triển khai 04 tiểu dự án của dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (ADB) sẽ cải thiện đáng kể tỷ lệ nhu cầu tưới. Đồng thời, triển khai dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch vệ sinh nông thôn (WB) sẽ cải tạo cho 24 công trình cấp nước tập trung, đầu tư mới 8 công trình, cải thiện đáng kể chỉ số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

8. Hạ tầng cấp điện: 97% số hộ được dùng điện. Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới Quốc gia 99%. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm.

9. Dân số bình quân đạt 643 ngàn người, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%. Dân số bình quân vượt so với Nghị quyết 5 năm do thay đổi số liệu sau điều tra, rà soát. Năm 2016, dân số bình quân toàn tỉnh ước đạt 633 ngàn người.

10. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18 ngàn người; Đào tạo nghề cho 3,8 ngàn người. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm.

11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm.

12. Y tế: 40% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; trên 85% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Vượt Nghị quyết 5 năm.

13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia hàng năm 8 trường/năm; 66% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học.

14. Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 77%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 68,7%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 17%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 87%. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm.

15. Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng 40,5%, trong đó, trồng mới rừng tập trung 1.000 ha. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm. Năm 2017, dự kiến khoảng 2.845 ha rừng trồng từ năm 2013 và năm 2014 khép tán đủ để tính thành rừng, đồng thời kiến nghị đưa 10.000 ha nông lâm kết hợp đảm bảo tiêu chí để tính độ che phủ rừng.

16. Nông thôn mới: có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 8 xã), mỗi xã đạt bình quân 11,7 tiêu chí trở lên. Xây dựng chỉ tiêu phân đấu theo Nghị quyết 5 năm. 03 xã dự kiến đạt chuẩn NTM 2017 gồm: Xã Nam Dong, huyện Cư Jút; xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk Rláp; xã Nam Đà, huyện Krông Nô.

Như vậy, xây dựng kế hoạch năm 2017, trong 16 nhóm chỉ tiêu có 04 nhóm chỉ tiêu phân đấu vượt Nghị quyết 5 năm (gồm: Tăng trưởng kinh tế, Chỉ tiêu về dân số; Chỉ tiêu về lao động và việc làm, Chỉ tiêu về văn hóa); 10 nhóm chỉ tiêu xây

dựng theo Nghị quyết 5 năm; chỉ 02 chỉ tiêu xây dựng thấp hơn do nguyên nhân khách quan. Một số các chỉ tiêu tình hình thực tế có sự thay đổi, gặp một số khó khăn như: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Hạ tầng giao thông, cấp thoát nước và đô thị, cấp điện; Che phủ rừng; Nông thôn mới...nhưng UBND tỉnh vẫn giữ chỉ tiêu như Nghị quyết 5 năm để phấn đấu, tìm giải pháp thực hiện, quyết liệt để triển khai Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết phát triển KTXH 5 năm 2016 - 2020 của HĐND tỉnh

- Tiếp tục triển khai bảo đảm tiến độ các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, giai đoạn 2015 - 2020 và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của HĐND tỉnh. Cụ thể hóa theo lộ trình Kế hoạch 5 năm vào kế hoạch năm 2017.

- Rà soát tổng thể các quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực; đối chiếu với các quy định mới về quy hoạch của Trung ương, đối chiếu hiệu quả áp dụng của tình hình thực tế, tạm dừng các quy hoạch không phù hợp với kinh tế thị trường, cản trở phát triển kinh tế xã hội. Lập kế hoạch xây dựng quy hoạch trong giai đoạn tiếp theo, theo quy định mới của Trung ương.

- Quán triệt và thực hiện sáng tạo, linh hoạt các chính sách của Trung ương trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm của địa phương. Bám sát các chính sách điều chỉnh của Trung ương, tình hình phát sinh thực tiễn trong thời gian qua, đề xuất Tỉnh ủy, HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu định hướng trong các Nghị quyết nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 cho phù hợp.

2. Về phát triển công nghiệp

- Hỗ trợ, đôn đốc Nhà máy Alumin Nhân Cơ trong vận hành, phấn đấu sản xuất thành công Alumin từ Hydrat ngay từ đầu năm. Đầu tư hoàn thiện Nhà máy Alumin Nhân Cơ để đi vào hoạt động ổn định. Tập trung nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm thời gian bàn giao kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Nhân Cơ cho nhà đầu tư triển khai dự án Nhà máy luyện nhôm Đắk Nông. Đồng thời, đôn đốc, tạo mọi điều kiện cho Công ty luyện kim Trần Hồng Quân bảo đảm tiến độ, hoàn thành việc xây dựng, tiến hành lắp ráp máy móc, trang thiết bị trong năm 2017. Chủ động kế hoạch thu hút đầu tư công nghiệp chế biến sau nhôm, nối tiếp chuỗi giá trị sau khi Nhà máy luyện nhôm đi vào hoạt động. Điều chỉnh Quy hoạch Khu Công nghiệp Nhân Cơ giai đoạn 2, tiếp tục trình Trung ương phê duyệt.

- Xem xét, chuyên nhượng cụm công nghiệp BMC Đắk Ha, rà soát các cụm công nghiệp, loại bỏ hoặc chuyển đổi các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, lãng phí tài nguyên và kết cấu hạ tầng kéo dài, tập trung vào các cụm công nghiệp có thể mạnh, để ưu tiên đầu tư. Nghiên cứu chuyển đổi các khu công nghiệp để đầu tư theo hình thức BOT, BTO; lựa chọn, chứng minh các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mới cấp phép đầu tư.

- Theo dõi các kế hoạch sản xuất của các nhà máy thủy điện, có kế hoạch điều tiết liên thông giữa các nhà máy để sử dụng nguồn nước phù hợp và hiệu quả, dự phòng các phương án xảy ra hạn hán. Chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy. Triển khai thực hiện dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm. Tiếp tục tổ chức thực hiện Dự án cấp điện nông thôn giai đoạn III của Chính phủ đúng tiến độ đề ra năm 2017.

3. Về phát triển nông nghiệp và nông thôn

- Chuyển đổi hợp lý cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, ổn định diện tích cây trồng hiện có, nhất là cây cà phê, hồ tiêu. Hướng dẫn người dân canh tác tiết kiệm nước, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư thâm canh để đem lại hiệu quả kinh tế. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo đầu tư mới các trình thủy lợi, sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi, kết hợp điều hòa giữa thủy lợi và thủy điện phục vụ tốt cho nông nghiệp. Chủ động triển khai các biện pháp chống hạn cho cây trồng.

- Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất cho người dân địa phương thông qua phát triển hệ thống khuyến nông, khuyến lâm. Hướng dẫn chăn nuôi theo mô hình trang trại, sản xuất khép kín, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình chăn nuôi để cắt giảm chi phí, tăng chất lượng sản phẩm. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn về chăn nuôi bò sữa và bò thịt, trồng cây công nghiệp của các tập đoàn lớn. Chuyển đổi hình thức thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh thành thu hút vốn tư nhân hoặc hợp tác công tư (PPP).

- Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư đầu vào, nhất là cây giống và phân bón, thuốc trừ sâu; xử lý nghiêm các cơ sở phân phối chế phẩm nông nghiệp giả. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, kịp thời thông tin cho người dân chủ động trong sản xuất, giảm thiểu thiệt hại. Kiểm soát dịch bệnh, tăng cường dịch vụ thú y, chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cây trồng.

- Tập trung quản lý bảo vệ phát triển rừng. Đẩy mạnh trồng rừng tập trung và cây phân tán, tăng độ che phủ. Đề xuất chính sách, biện pháp xử lý triệt để các tranh chấp giữa doanh nghiệp được giao đất và người dân địa phương, bảo đảm hài hòa quyền lợi và sinh kế cho người dân, không để bùng phát các mâu thuẫn, tranh chấp. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy nhanh thủ tục, triển khai thi công tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn Đập (WB8) tỉnh Đắk Nông. Đẩy nhanh tiến độ dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (ADB), hoàn thành 04 tiểu dự án sửa chữa cụm công trình thủy lợi. Triển khai dự án Thủy lợi Suối Đá, huyện Đắk Glong và 03 dự án thủy lợi bằng nguồn vốn chống hạn của Trung ương hỗ trợ. Triển khai nâng cấp, cải tạo 24 và đầu tư mới 08 công trình cấp nước tập trung theo Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn” vốn vay WB.

4. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

- Phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, nhất là hệ thống siêu thị tại các đô thị như: Gia Nghĩa, Kiên Đức, Đắk Mil, Ea Tling... tạo nguồn hàng ổn định

bình ổn thị trường và đa dạng sự lựa chọn cho người dân. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ thương mại, thực hiện chính sách đưa hàng về nông thôn, thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Nghiên cứu thành lập hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu. Xây dựng Kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước. Tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

- Phát triển dịch vụ vận chuyển công cộng về các điểm du lịch, khu và các cụm công nghiệp; mở rộng địa bàn phục vụ đến các vùng nông thôn. Chỉ đạo các bến xe, hợp tác xã vận tải, các địa phương chuẩn bị kế hoạch phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân đặc biệt là trong các dịp lễ, Tết.

- Tổ chức Hội Xuân Đinh Dậu 2017 ý nghĩa, thiết thực. Đẩy mạnh việc đầu tư vào các dự án du lịch như: Công viên vui chơi giải trí Liêng Nung, Khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Nâm Nung, Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng... ; Phát triển du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp du lịch tâm linh. Phối hợp với Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể và phát triển du lịch tỉnh đến năm 2025. Thực hiện việc nghiên cứu, điều tra, khảo sát hệ thống hang động núi lửa, tiến tới hoàn thiện hồ sơ trình UNESCO công nhận Công viên địa chất quốc gia và hướng đến công nhận Công viên địa chất toàn cầu.

- Thành lập Hiệp hội du lịch để liên kết, hợp tác, hỗ trợ phát triển kinh doanh, dịch vụ du lịch, nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm du lịch, phối hợp với Saigontourist mở các tuyến tour, tuyến du lịch cộng đồng.

5. Về cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh

- Tích cực triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, phần đầu chỉ số PCI tăng 4-5 bậc so với năm 2016. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật kinh doanh. Cập nhật, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trên các cổng thông tin điện tử của các Sở, Ban, ngành. Tổ chức các lớp đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho các doanh nghiệp mới thành lập.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ tốt việc cung cấp dịch vụ công, mở rộng diện cung cấp dịch vụ qua mạng tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nhất là tại ngành Thuế, Tài nguyên và Môi trường, Đăng ký kinh doanh. Nâng cao hiệu quả hoạt động các Tổ một cửa, niêm yết công khai về yêu cầu hồ sơ, thời hạn, người chịu trách nhiệm xử lý.

- Các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển

- Tiếp tục vận động tài trợ và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, NGO. Thu hút và nâng cao chất lượng các dự án đầu tư FDI. Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Tuân thủ nghiêm và triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công và Luật Đấu thầu. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu, chống thất thu thuế, bồi dưỡng nguồn thu, tăng nguồn cho ngân sách vào chi đầu tư phát triển. Quản lý chi tiêu hợp lý, đúng chế độ. Thực hiện khoán chi hành chính sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị. Triển khai cổ phần hóa các hoạt động sự nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ngành thuế, duy trì hoạt động của 02 đoàn liên ngành chống thất thu ngân sách nhà nước và nợ đọng thuế được UBND tỉnh thành lập. Tiếp tục triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp kê khai nộp thuế điện tử.

- Xây dựng chương trình phát triển đô thị các huyện, thị xã; thành lập thị trấn và mở rộng ranh giới hành chính đô thị cho phù hợp. Đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình giao thông. Tập trung chỉ đạo thi công hoàn thành dự án đường tránh đô thị Gia Nghĩa; phần đầu khởi công dự án nâng cấp Quốc lộ 28 đoạn Gia Nghĩa - Quảng Khê, Quốc lộ 14C giai đoạn 2. Đẩy nhanh tiến độ, phần đầu sớm đưa vào sử dụng các dự án giao thông được khởi công năm 2016. Xem xét sớm triển khai dự án đường vào xã Đắc Ngo để sớm ổn định tình hình an ninh, trật tự khu vực Đắc Ngo, Quảng Trục, huyện Tuy Đức.

7. Về bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ về an sinh xã hội. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc; tổ chức thăm hỏi, động viên trong các dịp lễ, Tết đối với người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai Nghị quyết giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường các chính sách hỗ trợ cộng đồng để bảo đảm thoát nghèo bền vững; tổ chức đầu tư trực tiếp cho hộ nghèo.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai các hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước ở trẻ em, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tuyên truyền về giới, bình đẳng giới, phòng, chống có hiệu quả tệ nạn mại dâm; nâng cao chất lượng công tác quản lý sau cai nghiện ma túy; giảm phát sinh tệ nạn xã hội.

8. Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, trọng tâm là mở rộng và phát triển dịch vụ kỹ thuật cao, nâng cao tinh thần phục vụ. Giảm phiền hà cho bệnh nhân, trọng tâm là ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện, lắp đặt hệ thống camera, ký cam kết, giải quyết kịp thời các kiến nghị của nhân dân. Phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế.

- Củng cố hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh nghiêm trọng xảy ra. Tập trung tăng tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được

tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng quốc gia; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi.

- Cùng cố hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, phân đầu đầu tư xây dựng cho ít nhất 10 trạm y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường chuyển giao kỹ thuật chuyên môn; phát triển đội ngũ bác sỹ gia đình và lồng ghép mô hình bác sỹ gia đình vào các trạm y tế xã.

- Tăng cường đào tạo chuyên sâu, đào tạo liên tục để tiếp nhận các kỹ thuật được chuyển giao; tăng cường hợp tác với TP Hồ Chí Minh để đào tạo, chuyển giao cán bộ y tế. Tăng cường công tác ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong công tác phòng bệnh và khám, phát hiện và điều trị.

- Lập đề xuất dự án Bệnh viện khu vực phía Bắc thu hút đầu tư theo hình thức PPP, tiếp tục vận động, hoàn thiện thủ tục đầu tư Bệnh viện Y học cổ truyền; hoàn thiện nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Xem xét, tăng biên chế cho ngành y tế để nâng cao tỷ lệ bác sỹ/vạn dân.

10. Về công tác giáo dục đào tạo

- Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa nhằm tạo bước phát triển toàn diện ở các cấp học, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số, giảm tỷ lệ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số bỏ học.

- Mở rộng và hoàn thiện cơ sở vật chất trường lớp để đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng giáo dục. Hoàn thiện đưa cơ sở mới Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh đi vào hoạt động; Tiếp tục đầu tư Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống trường chuẩn quốc gia.

- Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên các huyện, thị xã về phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục; việc thực hiện kế hoạch đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; việc thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học sinh, giáo viên của Trung ương và địa phương.

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức đủ số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức. Tiếp tục tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn “nghề nghiệp”.

11. Về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm

- Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả giáo dục nghề nghiệp theo cơ chế thị trường, gắn với nhu cầu xã hội, giải quyết việc làm; Đa dạng hóa hình thức dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề. Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp; thực hiện cơ chế dạy nghề theo hợp đồng đào tạo hoặc đặt hàng giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đánh giá tổng thể nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất trên địa bàn toàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh năm 2017 hiệu quả, chất lượng.

- Từng bước kiện toàn mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phát triển đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, phát triển chương trình dạy nghề đáp ứng yêu cầu thực tiễn

của sản xuất. Nâng cao chất lượng dạy và học, kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động tại Trường Trung cấp nghề Đắk Nông.

- Tuyên truyền thay đổi nhận thức xã hội về học nghề, lập nghiệp; cung cấp rộng rãi thông tin về thị trường xuất khẩu lao động; đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho người học nghề và phân luồng học sinh sau THCS và THPT. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động và bảo hiểm. Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, ổn định thị trường xuất khẩu lao động.

- Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn để giải quyết việc làm, lồng ghép các hoạt động của chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm và chương trình giảm nghèo để phát huy hiệu quả vốn vay, tạo việc làm mới và ổn định cuộc sống.

12. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao

- Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh. Tiếp tục triển khai Đề án Suu tầm, bảo tồn phát huy giá trị hiện vật lịch sử, văn hóa tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiến hành điều tra văn hóa phi vật thể, xây dựng và phát triển loại hình múa cộng đồng của tỉnh; Điều tra xây dựng hồ sơ bảo tồn khẩn cấp dân ca M'Nông trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào di sản cấp quốc gia; xây dựng hồ sơ cho nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trình Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu. Triển khai kế hoạch thực hiện đề án Lễ hội văn hóa thổ cẩm các dân tộc Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông.

- Tiếp tục đôn đốc, thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Đẩy mạnh các chương trình thể thao, văn hóa quần chúng. Tuyên chọn đội ngũ năng khiếu, đào tạo bồi dưỡng lực lượng vận động viên thành tích cao. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao các cấp và tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ 8, phấn đấu đứng trong top từ 57-60/66 tỉnh, thành, ngành trong toàn quốc.

13. Về phát triển khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông

- Tăng cường việc triển khai ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; nghiên cứu các đề án khoa học chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập và hiệu quả sử dụng đất.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương; Phát triển thị trường công nghệ. Đẩy mạnh hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Hỗ trợ, tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đổi mới, phát triển công nghệ.

- Triển khai thực hiện Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảm bảo thông tin liên lạc đặc biệt vào các dịp lễ lớn.

14. Về tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn việc khai thác trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên

thiên nhiên; kiên quyết xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm. Tăng cường các biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải độc hại và chất thải y tế.

- Hoàn thiện điều tra đánh giá đa dạng sinh học khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung. Xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường trên địa bàn tỉnh. Rà soát, điều tra, thống kê các nguồn thải đổ trực tiếp hoặc gián tiếp vào các lưu vực sông, suối, hồ, đập. Nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tổng thể các tác động đến môi trường, sạt lở từ hoạt động khai thác cát trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện Kế hoạch 437/KH-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh về việc quản lý và bố trí sử dụng 63 ngàn ha đất có nguồn gốc lấn chiếm đất rừng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/01/2010 đã được UBND tỉnh thu hồi từ các nông, lâm trường giao về cho các địa phương quản lý và bố trí sử dụng.

- Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tích nước cho mùa khô, thực hiện tốt công tác trồng rừng thay thế, đặc biệt là các dự án thủy điện; rà soát các dự án thủy lợi để đảm bảo an toàn trong mùa mưa, đồng thời đảm bảo nước tưới vào mùa khô; chủ động triển khai các kế hoạch, biện pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu.

15. Về cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Tiếp tục cải cách hành chính theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Rà soát và thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng tạo lập môi trường thông thoáng cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm người đứng đầu, niêm yết, công khai, minh bạch thủ tục hành chính.

- Cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công, đưa Trung tâm Hành chính công của tỉnh hoạt động nề nếp và hiệu quả. Xây dựng phương án phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước theo nguyên tắc cơ quan hành chính nhà nước cấp trên thực hiện những việc mà cấp dưới làm không hiệu quả.

- Thực hiện hiệu quả cải cách công vụ, công chức; thắt chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ công chức. Kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tăng cường công tác kiểm tra đối với việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp.

- Nâng cao chất lượng, khắc phục tình trạng nợ đọng văn bản, văn bản không phù hợp, không khả thi, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ. Dàn xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực tổ chức bộ máy, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước.

16. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh

- Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh khác và các tổng công ty lớn của

Trung ương. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với tỉnh Mondulkiri (Vương quốc Campuchia).

- Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh cả về tiềm lực và thể trận, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc. Phấn đấu hoàn thành kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ; hoàn thành các chỉ tiêu về động viên, xây dựng lực lượng, tuyển quân do Trung ương giao./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc VP;
- Lưu: VT, KTKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón

Phụ biểu

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và dự kiến kế hoạch năm 2017
(Kèm theo Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	UTH 2016/TH 2015	UTH 2016/KH 2016	KH 2017/UTH 2016	Đánh giá năm 2016 (Đạt/không đạt)	Ghi chú về kế hoạch 2017
			3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ										
	Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	15.170	16.629	16.244	17.469	107,08%	97,69%	107,54%		
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	6.994	7.351	7.401	7.818	105,82%	100,68%	105,63%		
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp xây dựng	Tỷ đồng	2.023	2.658	2.219	2.534	109,72%	83,50%	114,18%		
	<i>Riêng công nghiệp</i>	Tỷ đồng	1.375		1.504	1.772	109,37%		117,82%		
	<i>Riêng xây dựng</i>	Tỷ đồng	647		715	762	110,47%		106,54%		
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	5.241	5.571	5.643	6.050	107,66%	101,28%	107,21%		
	+ Thuế	Tỷ đồng	912	1.048	981	1.067	107,56%	93,53%	108,80%		
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	7,15%	trên 9%	7,08%	trên 7,5%					Vượt NQ 5 năm đặt ra là tăng trưởng 2017 là 6,9%, chủ yếu do Sản lượng mới của Alumini chuyển qua năm 2017.
	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	21.730	23.888	22.972	25.008	105,7%	96,17%	108,86%		
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	11.269	12.031	11.615	12.369					
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp xây dựng	Tỷ đồng	2.847	3.775	3.141	3.648					
	<i>Riêng công nghiệp</i>	Tỷ đồng	1.968		2.203	2.632					
	<i>Riêng xây dựng</i>	Tỷ đồng	878		938	1.016					
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	6.509	6.778	6.997	7.630					
2											GRDP bình quân thấp hơn NQ 5 năm đề ra (là 41.96 triệu đồng), do dân số tăng cao sau rà soát).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	UTH 2016/TH 2015	UTH 2016/KH 2016	KH 2017/UTH 2016	Đánh giá năm 2016 (Đạt/không đạt)	Ghi chú về kế hoạch 2017
	/	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	+ Thuế	Tỷ đồng	1.105	1.304	1.219	1.361					
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	37,2	Trên 38	36,29	38,89	97,5%	95,50%	107,17%		
	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế	%	100,00	100	100%	100,0%					Xấp xỉ NQ 5 năm đặt ra (trong đó KV1:48.9%; KV2:16.38;KV3:29.54;KV4:5.19%)
3	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	51,86%	49,78	50,56%	49,46%				Không đạt	
	- Công nghiệp, xây dựng	%	13,10%	15,77	13,67%	14,59%					
	- Dịch vụ	%	29,96%	29,44	30,46%	30,51%					
	- Thuế	%	5,08%	5,01	5,31%	5,44%					
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	9.367	Trên 10.500	10.700	13.000	11,4%	101,90%	121,50%	Đạt	
	Xuất - nhập khẩu										
5	Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	650	700	650	770	108%	92,86%	0,00%	Chỉ theo dõi, không giao chỉ tiêu	Ngành CT đề nghị 650 triệu USD.
	Giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	207,0	120	120	125	58%	100,00%	0,00%	Đạt	Ngành CT đề nghị 90 triệu USD.
	Thu - Chi ngân sách									Đạt	Thấp hơn so với NQ 5 năm (1.724 tỷ đồng)
6	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.523	1.610	1.610	1.650	105,7%	100,00%	102,48%	Đạt	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	4.799	4.726	5.433	5.696	113,2%	114,96%	104,84%	Chỉ theo dõi, không giao chỉ tiêu	
7	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	11.500	12.000	12.000	13.200	104,3%	100,00%	110,00%	Chỉ theo dõi, không giao chỉ tiêu	
	Hạ tầng giao thông									Đạt	
8	- Nhựa hoá đường huyện	%	80,0	84,0	84,0	88,0				Đạt	Ngành GTVT đề nghị 85%
	- Nhựa hóa đường tỉnh	%	53,0	57,0	57,0	58,0				Đạt	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	UTH 2016/TH 2015	UTH 2016/KH 2016	KH 2017/UTH 2016	Đánh giá năm 2016 (Đạt/không đạt)	Ghi chú về kế hoạch 2017
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Hạ tầng cấp, thoát nước đô thị									Xấp xỉ Đạt	
	- Tỷ lệ đáp ứng cho điện tích có nhu cầu tưới	%	67,0	71,0	71,0	74,0				Đạt	
9	- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	82,0	86,0	84,0	87,0				Không đạt	Ngành NN đề nghị 85%
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	90,0	92,0	92,0	94,0				Đạt	
	- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	95,0	98,0	98,0	100,0				Đạt	
	Hạ tầng cấp điện									Đạt	
10	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%	95,0	96,0	96,0	97				Đạt	Ngành CT đề nghị 96.4%
	- Tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới QG	%	99,0	99,0	99,0	99				Đạt	
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG										
	Dân số trung bình									Đạt	
1	- Dân số trung bình	Ngàn người	583,9	591	633	643				Tăng cao do điều tra, rà soát	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 5 năm là 604.4 ngàn người.
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1	1,1	1,1	1,1				Đạt	
	- Mức tỉ lệ giảm sinh	‰	0,8	0,8	0,8	0,8				Đạt	
	Lao động và việc làm									Đạt	
2	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người	19.030	18.000	18.000	18.000				Đạt	
	- Đào tạo nghề	Người	5.750	3.800	3.800	3.800				Đạt	
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	35,0	37,0	37,0	39,0				Đạt	Vượt NQ 5 năm là 37,5%.
	Giám nghèo:									Đạt	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	UTH 2016/TH 2015	UTH 2016/KH 2016	KH 2017/UTH 2016	Đánh giá năm 2016 (Đạt/không đạt)	Ghi chú về kế hoạch 2017
3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%	19,26	Giảm 2%	Giảm 2%	Giảm 2%				Đạt	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	54,4	Giảm 5%	Giảm 5%	Giảm 5%				Đạt	
4	Y tế									Đạt	
	- Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	17,00	17,70	17,70	17,80	104%	100,00%	100,56%	Đạt	
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	6,30	6,50	6,70	7,30	106%	103,08%	108,96%	Đạt	Ngành Y tế đề nghị 7, thấp hơn NQ 5 năm.
	- Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%	31,00	35,00	35,00	38,00				Đạt	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	21,00	20,70	20,70	19,70				Đạt	
	- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	94,00	>=90	>=90	>=90				Đạt	
5	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	70,00	73,30	83,00	85,00				Vượt	Vượt NQ 5 năm (76,8%)
	Giáo dục									Đạt	
	- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học	%	65	66	66	67,0		100,00%	101,52%	Đạt	
6	- Số trường ở các cấp học được công nhận đạt chuẩn quốc gia mới	Trường/năm	7	8	9	8,0	129%	112,50%	88,89%	Đạt	
	Văn hóa									Đạt	
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa	%	74,5	76	76	76,0		100,00%	100,00%	Đạt	
	- Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa	%	68,7	61	68,7	77,0		112,62%	112,08%	Vượt	
	- Xã, phường, thị trấn văn hóa	%	16,9	16	16,90	18,3		105,63%	108,28%	Vượt	Vượt NQ 5 năm là 17%
	- Cơ quan văn hóa	%	86	86	86,5	87,6		100,58%	101,27%	Đạt	Vượt NQ 5 năm là 87%
	Chi tiêu về môi trường									Xấp xỉ Đạt	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	UTH 2016/TH 2015	UTH 2016/KH 2016	KH 2017/UTH 2016	Đánh giá năm 2016 (Đạt/không đạt)	Ghi chú về kế hoạch 2017
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	39,0	40,0	39,1	40,5		97,75%	103,58%	Không đạt.	
	- Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.101	1.000	1.004	1.000	91%	100,40%	99,60%	Đạt	
	- Tỷ lệ giám các vụ phá rừng (giảm % số vụ và diện tích so với năm trước)	%	Tăng 14% số vụ và 139% số diện tích bị phá	Giảm 50%	Giảm 30% số vụ và giảm 68% số diện tích bị phá.	Giảm 50%				Xấp xỉ đạt.	
8	Nông thôn mới:									Đạt	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2,0	4,0	4,0	3,0				Đạt	Lũy kế đạt 8 xã theo NQ 5 năm đề ra.
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	9,5	10,6	10,6	11,7				Đạt	

Đánh giá chỉ tiêu 2015: Đạt: 81,3%

Chỉ tiêu năm 2017 so với NQ 5

năm:

Vượt:

Bằng:

Thấp:

Chỉ tiêu:

4 Chỉ tiêu

10 Chỉ tiêu

2 Chỉ tiêu

7: So sánh ước thực hiện năm 2016 và thực hiện năm 2015, để tính tăng với cùng kỳ.

8: So sánh ước thực hiện năm 2016 và kế hoạch năm 2016, để tính % so với kế hoạch.

9: So sánh kế hoạch năm 2017 và ước thực hiện năm 2016, để tính tốc độ tăng của năm 2017.

